

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày 05/5/2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Nhót và bà Cẩn Thị Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Hà - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2019/TLST- DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/ QĐST-DS ngày 06/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) N.

Địa chỉ: 201- 203 đường M, phường C, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Đức D, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh của Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đắc Lắc, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 84/2019/UQ – NHNA - 06 ngày 16/8/2019 của Giám đốc Khối quản lý rủi ro).

Địa chỉ: 168, đường L, phường T, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trung K, sinh năm: 1975; vắng mặt.

Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1972; vắng mặt

Nơi ĐKNKTT: T2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Tạm trú tại: T5, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên:

Chị Nguyễn Thị B; vắng mặt

Anh Nguyễn Trạch Q; vắng mặt

Nơi ĐKNKTT: T2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Tạm trú tại: T5, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Trịnh Đức D người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/3/2018, ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T đã ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 0244/2018/502 – CV vay vốn của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đắk Lắk với số tiền gốc là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) nhận nợ ngày 21/03/2018 theo Giấy nhận nợ số: 01/ GNN- 0244/2018/502 - CV; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất 11%, mục đích vay là đầu tư chăm sóc cà phê, tiêu, lãi được Ngân hàng điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, với mức lãi suất được tính theo công thức: Lãi suất kỳ điều chỉnh = lãi suất cơ sở (%/ năm) + 2,7%/ năm, ngày điều chỉnh lãi đầu tiên là ngày 21/6/2018, hạn trả nợ ngày 21/03/2019. Mặc dù, đã đôn đốc và nhắc nhở nhiều, lần nhưng ông K và bà T vẫn không trả nợ theo quy định. Tính đến ngày xét xử ông K và bà T nợ Ngân hàng TMCP N như sau: Tiền gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 22.146.064 đồng; lãi của vốn quá hạn 96.920.548 đồng; lãi phạt vốn quá hạn 49.545.205 đồng; phạt chậm trả lãi 2.456.821 đồng. Vậy tổng lãi phải trả là 171.068.638 đồng (*Một trăm bảy mươi một triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng*) . Tổng tiền gốc và lãi phải trả cho Ngân hàng TMCP N là 971.068.638 đồng (*Chín trăm bảy mươi một triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng*).

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Ông Nguyễn Trung K, bà Hoàng Thị T và các con đã trên 18 tuổi của hộ gia đình ông K là Nguyễn Thị B, sinh năm 1995 và Nguyễn Trạch Q sinh năm 1997 đã Hợp đồng ủy quyền cho ông K và bà T thế chấp tài sản để vay vốn đối với tài sản cấp cho hộ ông K tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BG 937345 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 27/12/2011 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0183/2018/502-BĐ ngày 20/3/2018, được công chứng ngày 20/3/2018 tại Văn Phòng công chứng Đ và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ ngày 20/3/2018 theo quy định của pháp luật gồm các tài sản hợp pháp sau đây:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD 319676 do UBND huyện Đ cấp ngày 16/5/2016, tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 150, tọa lạc tại T5, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đứng tên ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BG 937345 do UBND huyện Đ cấp ngày 27/12/2011, tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 150, tọa lạc tại Thôn T5, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đứng tên hộ ông Nguyễn Trung K.

Đến thời điểm trả nợ theo hợp đồng tín dụng và giấy xác nhận nợ đã ký kết trên ông K và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ ,mặc dù đã thông báo và làm việc nhiều lần. Việc đó thể hiện ông K và bà T đã cố tình vi phạm các điều khoản hợp trong đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, đến hạn trả nợ không trả, Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đắk Lắk đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn và khởi kiện ra Tòa án theo quy định.

Để đảm bảo việc thu hồi nợ Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết buộc ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T phải trả toàn bộ số nợ gồm nợ gốc là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền gốc trên tính đến ngày xét xử (ngày 05/5/2020) là 171.068.638 đồng. Tổng tiền gốc và lãi phải trả cho Ngân hàng 971.068.638 đồng.

Kể từ ngày 06/5/2020, ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0244/2018/502– CV và Giấy nhận nợ số: 01/GNN- 0244/2018/502, ngày 21/03/2018 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0183/2018/502-BĐ ngày 20/3/2018 đã ký để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Trung K, bà Hoàng Thị T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Trạch Q: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, các đương sự đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về, nên Tòa án đề nghị thôn trưởng tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn, người liên quan. Tuy nhiên, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt theo các văn bản tố tụng mà Tòa án đề nghị Thôn trưởng giao. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được vụ án nên Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn Nguyễn Trung K, bà Hoàng Thị T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Trạch Q vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử đã được Tòa án tiến hành đề nghị thôn trưởng tổng đạt các văn bản tố tụng, các thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

-Về nội dung: Căn cứ Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

Các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 Bộ luật dân sự; đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Trung K, bà Hoàng Thị T trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền gốc 800.000.000 đồng và các khoản tiền lãi tính đến ngày xét xử là 05/5/2020 là 171.068.638 đồng.

Kể từ ngày 06/5/2020, ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0244/2018/502– CV và Giấy nhận nợ số: 01/GNN- 0244/2018/502, ngày 21/03/2018 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp

theo hợp đồng thế chấp số 0183/2018/502-BĐ ngày 20/3/2018 đã ký để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.
Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T phải trả số tiền gốc 800.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/5/2020 đối với hợp đồng đã ký kết là 171.068.638 đồng. Hiện nay, ông K và bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú tại xã B và xã N. Vì vậy, Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định khoản 1 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Qua xác minh tại địa phương nơi ông K, bà T và chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Trạch Q nơi cư trú xác định, có Hộ khẩu và sinh sống tại địa phương nhưng đi làm ăn đâu không rõ, thỉnh thoảng mới về. Vì vậy, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lập biên bản không tổng đạt trực tiếp được nên đã đề nghị thôn trưởng giao cho các đương sự các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông K, bà T và chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Trạch Q không có mặt tại Tòa án làm việc như thông báo. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[3] Xét nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng hạn mức số 0244/2018/502 – CV và Giấy nhận nợ số: 01/ GNN- 0244/2018/502 – CV, tính đến ngày xét xử ông K và bà T còn nợ Ngân hàng TMCP N số tiền gốc 800.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 05/5/2020 là 171.068.638 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 971.068.638 đồng (*Chín trăm bảy mươi một triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng*). Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng (có bảng tính lãi cụ thể nộp cho Tòa án đến ngày xét xử).

[3.2] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0183/2018/502-BĐ ngày 20/3/2018, ông K và bà T và các con đã trên 18 tuổi của hộ gia đình ông K là Nguyễn Thị B, sinh năm 1995 và Nguyễn Trạch Q sinh năm 1997 đã Hợp đồng ủy quyền cho ông K và bà T thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để bảo lãnh nhằm bảo đảm cho khoản vay

theo hợp đồng tín dụng đã được lập thành văn bản, được đăng ký thế chấp theo quy định. Trường hợp đến hạn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc thực tế thì tài sản thế chấp trên có diện tích đúng với diện tích cấp cho ông K và bà T và cấp cho hộ ông K được theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự.

[3.3] Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông K và bà T không trả nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng TMCP N quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3.4] Kể từ ngày 06/5/2020, ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0244/2018/502– CV và Giấy nhận nợ số: 01/GNN- 0244/2018/502, ngày 21/03/2018 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.550.000 đồng, Ngân hàng TMCP N đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, ông K và bà T phải chịu toàn bộ số tiền trên nên cần buộc ông K và bà T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 3.550.000 đồng.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của 971.068.638 đồng = 36.000.000 đồng + (3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng (là 171.068.638 đồng x 3%) = 5.132.000 đồng (Làm tròn). Tổng cộng án phí phải chịu là: 36.000.000 đồng + 5.132.000 đồng = 41.132.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N.

Buộc ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP N, tổng số tiền cả gốc và lãi là 971.068.638 đồng (*Chín trăm bảy mươi một triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng*), trong đó 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*) tiền gốc và tiền lãi là 171.068.638 đồng (*Một trăm bảy*

mười một triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng), thời hạn tính tiền lãi tính đến ngày 05/5/2020.

Kể từ ngày 06/5/2020, ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo Hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng hạn mức số 0244/2018/502 –CV và Giấy nhận nợ số: 01/ GNN- 0244/2018/502 – CV, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP N thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0183/2018/502-BĐ ngày 20/3/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Các tài sản bảo đảm để xử lý và thu hồi nợ tại hợp đồng thế chấp trên gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD 319676 do UBND huyện Đ cấp ngày 16/5/2016, tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 150, tọa lạc tại T5, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BG 937345 do UBND huyện Đ cấp ngày 27/12/2011, tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 150, tọa lạc tại T5, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho hộ ông Nguyễn Trung K (Các Thành viên trong hộ đã ủy quyền hợp pháp cho ông K và bà T thế chấp vay vốn, trường hợp không trả thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản của hộ để thu hồi nợ).

3. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 1 Điều 157 BLTTDS: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.550.000 đồng (*Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*), buộc ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 3.550.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc ông Nguyễn Trung K và bà Hoàng Thị T phải nộp 41.132.000 đồng (*Bốn mươi một triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 19.131.960 đồng (*Mười chín triệu một trăm ba mươi một nghìn chín trăm sáu mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002315 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đối với phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà